TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2023/HS-ST
Ngày: 15-9-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ong Thị Ngọc Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Dũng

2. Ông Nguyễn Viết Thanh

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Lệ Huyên là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Văn Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 82/2023/TLST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 365/2023/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 8 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trương Văn N**, sinh năm 1993, tại Đ; Tên gọi khác: Không; Nơi thường trú: Tổ 7, ấp 1, xã T, huyện C, tỉnh Đ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 02/12; Con ông Trương Văn Đ và bà Võ Thị S; Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình; Vợ: Nguyễn Thị Hồng N; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Nguyễn Thanh S**, sinh năm 1986, tại Đ; Tên gọi khác: Không; Nơi thường trú: Số 72, đường L, tổ 12, khóm M, phường M, thành phố C, tỉnh Đ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Thợ điện. Trình độ học vấn: 9/12. Con ông Nguyễn Văn S và bà Lê Thị N; Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Vợ: Nguyễn Thị Kim L và 01 con sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Nguyễn Văn S, sinh năm 1956; (Đã chết)

Địa chỉ: Tổ 12, khóm M, phường M, thành phố C, tỉnh Đ.

Người đại diện hợp pháp của người bị hại:

1. Lê Thị N, sinh năm 1962; (vợ bị hại)

Địa chỉ: Tổ 12, khóm M, phường M, thành phố C, tỉnh Đ.

2. Nguyễn Thanh T, sinh năm 1984; (con bị hại)

Địa chỉ: Tổ 71, khóm M, Phường 3, thành phố C, tỉnh Đ.

3. Nguyễn Thanh Sơn, sinh năm 1986; (con bị hại)

Địa chỉ: Tổ 12, khóm M, phường M, thành phố C, tỉnh Đ.

4. Nguyễn Thanh M, sinh năm 1989; (con bị hại)

Địa chỉ: Tổ 12, khóm M, phường M, thành phố C, tỉnh Đ.

5. Nguyễn Kim A, sinh năm 2003; (con bị hại)

Địa chỉ: Tổ 12, khóm M, phường M, thành phố C, tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của Lê Thị N, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thanh S, Nguyễn Kim A: Nguyễn Thanh M, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Tổ 12, khóm M, phường M, thành phố C, tỉnh Đ. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1992; Địa chỉ: Tổ 3, ấp 1, xã M, thành phố C, tỉnh Đ. (có mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Nguyễn Trọng N, sinh năm 2009;

Người đại diện hợp pháp của Nghĩa: Chị Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1992;

Cùng địa chỉ: Tổ 3, ấp 1, xã M, thành phố C, tỉnh Đ. (có mặt)

2. Trương Văn N, sinh năm 1994; (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 7, ấp 1, xã T, huyện C, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Văn N và Nguyễn Thanh S đều đã có giấy phép lái xe hạng A1. Trưa ngày 23/01/2023 (Mùng 2 Tết Quý Mão), Trương Văn N cùng Trương Văn N1 và Nguyễn Trọng N2 đi viếng ông, bà tại xã P, huyện C. Tại đây, N có uống khoảng 02 lon bia không rõ loại bia gì cùng với người thân, rồi cùng nhau đi ra thành phố C chơi. Trương Văn N điều khiển xe mô tô biển số 66P2- 129.50 chở

02 người phía sau là N1, N2 đi về nhà di chuyển trên đường Nguyễn H, hướng cầu An B đến vòng xoay nghĩa trang Liệt sĩ tỉnh Đ.

Cùng ngày, Nguyễn Thanh S điều khiển xe mô tô biển số 66F-481.20 chở cha ruột ông Nguyễn Văn S1, sinh năm 1956 dự tiệc tại xã M, thành phố C và cả hai có uống khoảng 03 lon bia hiệu Tiger với người thân. Sau đó, S điều khiển xe mô tô trên chở ông S1 di chuyển trên đường Nguyễn H hướng vòng xoay nghĩa trang Liệt sĩ tỉnh Đ đi cầu An B.

Khoảng 14 giờ 30 cùng ngày, N điều khiển xe mô tô biển số 66P2- 129.50 chở N1 và N2 về đến ngã ba bên phải theo hướng xe N lưu thông là điểm giao nhau giữa đường Tắc Thầy C với đường Nguyễn H thuộc tổ 15, khóm M, phường M, thành phố C, do thiếu chú ý quan sát, không tuân thủ nguyên tắc giao thông đường bộ, trong người có nồng độ cồn nên đã va chạm với xe mô tô biển số 66F1- 481.50 do S điều khiển chở ông S1 chiều ngược lại đang rẽ trái vào đường Tắc Thầy C, cũng thiếu chú ý quan sát và không đảm bảo an toàn. Hậu quả làm ông S1 bị đa chấn thương, suy hô hấp cấp, được chuyển đến bệnh viện Đa khoa tỉnh Đ cấp cứu và đến ngày 25/01/2023 tử vong. Còn N, S, N1 và N2 chỉ bị xay xát nhẹ.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số: 48/TTh-TTPY ngày 02/03/2023 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đ kết luận: Nguyên nhân tử vong của nạn nhân Nguyễn Văn S1 là do: Suy hô hấp cấp/Lao phổi.

Tại Phiếu kết quả xét nghiệm sinh hóa số 33/BV-01/BVĐT ngày 02/02/2023 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Đ, kết luận định lượng Ethanol (cồn) trong máu của Trương Văn N là là 125.6 mg/dl; Tại phiếu kiểm tra số ID: 876853 ngày 23/01/2023 do Công an thành phố C thực hiện lúc 16 giờ 34 phút thể hiện: Chế độ cồn (Ethanol) trong máu của Nguyễn Thanh S là 0,777mg/L.

- Căn cứ Kết quả khám nghiệm hiện trường thể hiện:

Hiện trường xảy ra tai nạn giao thông là đoạn đường bộ Nguyễn H giao với đường Tắc Thầy C thuộc tổ 15, khóm M, phường M, thành phố C điều kiện ban ngày đủ ánh sáng, mặt đường nhựa, bằng phẳng, đầu đoạn đường giao nhau có vạch kẻ dành cho người đi bộ qua đường. Tim đường có dãy phân cách cố định bằng bê tông, mỗi bên có 03 làn đường xe chạy, chiều rộng mặt đường là 2365cm, chiều rộng ½ mặt đường là 1090cm. Chọn mép đường bên phải hướng đi của xe mô tô biển số 66P2-129.50 do N điều khiển hướng An B đi nghĩa trang Liệt sĩ tỉnh Đ làm chuẩn.

Vùng va chạm giữa xe mô tô biển số 66F1- 481.20 và xe mô tô biển số 66P2 - 129.50 có kích thước 50 cm x 50 cm (đánh số 1), nằm tại làn đường thứ 2 từ trong lề ra, thuộc phần đường bên phải hướng đi của N. Từ tâm vùng va chạm

đo vào lề chuẩn là 450cm. Như vậy, vùng va chạm nằm bên phần đường bên phải hướng di chuyển của xe mô tô biển số 66P2-129.50 do N điều khiển.

- Kết quả khám nghiệm phương tiện để lại các dấu vết chính như sau:

Đối với xe mô tô biển số 66F1- 481.20: Nhựa ốp sườn bên phải bung hở ra ngoài; thanh kim loại gác chân sau bị thụng hướng từ ngoài vào nứt bể thụng vào 10 cm; ốp pô xe mặt ngoại bị thụng móp kích thước 25 cm x 15 cm, thụng vào 10cm; gấp sau, phuộc sau bên phải bị cong lệch hướng từ phải sang trái; mâm xe bị cong lệch hướng từ phải sang trái; gác chân trước bên trái bị cong lên 07cm, đầu gác chân có vết ma sát mài mòn lộ lõi sắt kích thước 01 cm x 01cm. Như vậy, xe mô tô biển số 66F1- 481.20 do Sơn điều khiển rẽ trái qua đường thì bị va chạm vào hông phải và ngã sang bên trái.

Đối với xe mô tô biển số 66P2- 129.50: Nhựa ốp cổ trước bị vỡ, ma sát mài mòn không liên tục kích thước 32cm x 30 cm; bửng xe hai bên trái phải bị vỡ phức tạp bung rời khỏi xe; phần đầu ốp chắn bùn trước bị vỡ phức tạp, phần sau bị gãy mất 01 đoạn; phuộc trước phải trái bị cong gập về sau 15 cm, cong lệch sang phải 10 cm; lốp xe trước bị chạm vào phần lõi máy; vành bánh xe cong thụng một đoạn 20 cm, thụng vào trong 03cm; Vỏ xe trước mặt ngoài có vết ma sát trầy xước không liên tục kích thước 20cm x 10 cm. Như vậy, phần bánh trước xe mô tô biển số 66P2- 129.50 do N điều khiển đã va chạm trực diện vào hông bên phải xe mô tô biển số 66F1- 481.20.

Đối chiếu các dấu vết trên hai phương tiện là phù hợp với các dấu vết để lại trên bề mặt đường tại hiện trường.

Từ kết quả điều tra xác định nguyên nhân chính dẫn đến tai nạn giao thông là do Trương Văn N điều khiển xe mô tô tham gia giao thông đường bộ thiếu chú ý quan sát, đã vi phạm quy định tại khoản 23 Điều 8, khoản 4 Điều 11 Luật giao thông đường bộ năm 2008 "khoản 23 Điều 8…*hành vi vi phạm nguyên tắc giao thông đường bộ, hành vi khác gây nguy hiểm cho người và phương tiện tham gia giao thông đường bộ;* khoản 4 Điều 11….*tại nơi có vạch kẻ cho người đi bộ, người điều khiển phương tiện phải quan sát, giảm tốc độ…*;

Còn Nguyễn Thanh S điều khiển xe mô tô chuyển hướng không đảm bảo an toàn, đã vi phạm khoản 2 Điều 15; khoản 3 Điều 24 Luật giao thông đường bộ năm 2008 *"*khoản 2 Điều 15...*khi chuyển hướng người lái xe, người điều khiển xe chuyên dùng phải ….nhường đường cho các xe đi ngược chiều và chỉ cho xe chuyển hướng khi quan sát thấy không gây trở ngại hoặc nguy hiểm cho người và phương tiện;* khoản 3 Điều 24….*Tại nơi đường giao nhau giữa đường không ưu tiên và đường ưu tiên hoặc giữa đường nhánh và đường chính thì xe đi từ đường không ưu tiên hoặc đường nhánh phải nhường đường cho xe đi trên đường ưu tiên hoặc đường chính từ bất kỳ hướng nào tới*".

Đồng thời khi điều khiển xe tham gia giao thông cả N và S đều có nồng độ cồn trong máu là vi phạm khoản 8 Điều 8 Luật giao thông đường bộ 2008 và khoản 6 Điều 5 Luật phòng chống tác hại của rượu, bia năm 2019, gây tai nạn, hậu quả làm chết ông Nguyễn Văn S1.

- Về trách nhiệm dân sự: Sau khi gây tai nạn, Trương Văn N đã chủ động khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại cho đại diện gia đình bị hại Nguyễn Văn S số tiền 100.000.000 đồng. Nguyễn Thanh S đã bồi thường chi phí mai táng số tiền 50.000.000 đồng. Nguyễn Thanh M là đại diện hợp pháp của bị hại đã nhận tiền, tự nguyện làm đơn không yêu cầu hình sự, xin giảm nhẹ hình phạt và không yêu cầu bồi thường gì thêm đối với N. Đối với S cũng không yêu cầu bồi thường và có đơn không yêu cầu xử lý hình sự.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tạm giữ: 01 xe mô tô biển số 66F1- 481.20 và 01 xe mô tô biển số 66P2- 129.50. Do phần trách nhiệm dân sự đã giải quyết xong, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại xe cho chủ sở hữu hợp pháp xong.

Trong vụ tại tạn giao thông xảy ra,Trương Văn N1 và Nguyễn Trọng N2 là những người ngồi phía sau mô tô biển số 66P2- 129.50 do Trương Văn N chở nhưng chỉ bị xay xát nhẹ, N1 và N2 không yêu cầu giám định thương tích và không yêu cầu gì khác nên không xem xét xử lý.

Quá trình điều tra, Trương Văn N và Nguyễn Thanh S thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ, bản ảnh hiện trường, phương tiện, kết luận giám định pháp y về tử thi, phiếu đo hơi thở nồng độ Ethanonl trong máu, lời khai của đại diện hợp pháp bị hại và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bản Cáo trạng số: 86/CT-VKS-TPCL ngày 25 tháng 8 năm 2023, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp đã truy tố các bị cáo Trương Văn N và Nguyễn Thanh S, về tội *"Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ"* theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

Các bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã nêu và thống nhất với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố.

Bị cáo N khai nhận sau khi uống bia cùng người thân, bị cáo N điều khiển xe mô tô biển số 66P2- 129.50 trên xe có chở Trương Văn N1 (em ruột của bị cáo N) và Nguyễn Trọng N2 (con riêng của vợ bị cáo N) di chuyển từ cầu An B về hướng nghĩa trang Liệt sĩ tỉnh Đ đến đoạn giao với đường Tắc Thầy C do thiếu quan sát phía trước, bị cáo N không phát hiện xe mô tô biển số 66F1- 481.20 do bị cáo S điều khiển đang rẽ trái vào đường Tắc Thầy C và đã xảy ra va chạm, vụ tại

nạn làm cho ông S1 bị tử vong. Bị cáo N cũng bị thương nhưng không yêu cầu giám định tỷ lệ thương tật và không có yêu cầu gì trong vụ án này. Gia đình bị cáo N rất khó khăn, không có tài sản, chi phí hàng ngày do bị cáo và vợ đi làm thuê, bị cáo đã vay mượn của nhiều người để có tiền bồi thường khắc phục hậu quả cho gia đình bị hại số tiền 100.000.000 đồng.

Bị cáo S khai nhận sau khi uống bia cùng người thân, bị cáo S điều khiển xe mô tô biển số 66F1- 481.20 trên xe có chở ông Nguyễn Văn S1 là cha bị cáo S di chuyển từ nghĩa trang Liệt sĩ tỉnh Đ hướng về cầu An B đến đoạn đường ngã 3 thì rẽ trái vào đường Tắc Thầy C, khi qua đường do thiếu quan sát khi chuyển hướng và qua đường với tốc độ khá nhanh, bị cáo S không nhìn thấy bên phải có xe mô tô biển số 66P2- 129.50 do bị cáo N đang di chuyển chiều bên phải vẫn đến va chạm, hậu quả vụ tại nạn đã làm cha của bị cáo S bị tử vong sau khi cấp cứu tại bệnh viện, bị cáo S không bị thương tích, đối với chiếc xe biển số 66F1-481.20 bị cáo S điều khiển gây tại nạn là của bị cáo S, bị cáo S đã nhận lại xe xong và không yêu cầu bồi thường gì trong vụ án.

Chị Nguyễn Thanh M trình bày: Chị M là con ruột của bị hại Nguyễn Văn S1, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của những người đại diện theo pháp luật khác của ông S1, gia đình bị hại đã nhận xong tiền bồi thường của các bị cáo, đối với bị cáo N sau khi sự việc xảy ra bị cáo N đã đến thăm hỏi gia đình và bồi thường số tiền 100.000.000 đồng, đối với bị cáo S là con ruột của bị hại, khi ông S1 mất bị cáo S là người đứng ra lo liệu tất cả việc mai tang, số tiền bị cáo S bồi thường là 50.000.000 đồng. Do đó, về trách nhiệm dân sự các bị cáo đã bồi thường xong, người đại diện theo pháp luật của bị hại không yêu cầu gì thêm. Về trách nhiệm hình sự, người đại diện theo pháp luật của bị hại vẫn giữ nguyên ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử không xử lý hình sự đối với bị cáo N và bị cáo S.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Nguyễn Thị Hồng N trình bày: Chị N là vợ của bị cáo N, xe mô tô biển số 66P2- 129.50 bị cáo N điều khiển gây tai nạn là của chị N, chị N đã nhận lại xe xong, chị N tự sửa chữa xe hư hỏng không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường chi phí sửa chữa. Hiện tại vợ chồng chị N và bị cáo N đang rất khó khăn, vợ chồng phải vay mượn nhiều nơi để có tiền bồi thường cho gia đình bị hại đến nay vẫn chưa trả được nợ. Từ khi xảy ra tai nạn, chân bị cáo N bị bỏng nặng chưa hồi phục nên chưa đi làm thuê được, mọi chi tiêu trong gia đình, lo cho bị cáo N và con đều do chị N tự trang trải.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân nhân thành phố Cao Lãnh trình bày luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Trương Văn N và Nguyễn Thanh S, phạm tội *"Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ"*.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, và Điều 65 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Trương Văn N mức án 03 (ba) năm cho hưởng án treo.

Thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh S mức án 03 (ba) tù cho hưởng án treo.

Thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận hay bào chữa gì đối với lời luận tội của Kiểm sát viên; người đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo S và bị cáo N xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, để các bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, đi làm lo cho gia đình và trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Cao Lãnh, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố, lời khai của bị cáo phù hợp biên bản, sơ đồ, bản ảnh hiện trường; biên bản, bản ảnh khám nghiệm phương tiện; kết luận giám định pháp y về tử thi; lời khai của người làm chứng; vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định:

Vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 23/01/2023, sau khi uống bia cùng với người thân bị cáo Trương Văn N đã điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 66P2-129.50, trên xe có chở Trương Văn N1 và Nguyễn Trọng N2 di chuyển trên đường Nguyễn H theo hướng từ cầu An B đến nghĩa trang Liệt sĩ tỉnh Đ, khi đến đoạn đường giao nhau giữa đường Tắc Thầy C với đường Nguyễn H thuộc tổ 15, khóm M, phường M, thành phố C, tỉnh Đ do thiếu chú ý quan sát, không tuân thủ nguyên tắc giao thông đường bộ nên đã xảy ra va chạm với xe mô tô

biển số 66F1- 481.50 do bị cáo Nguyễn Thanh S điều khiển, trên xe bị cáo S điều khiển có chở ông Nguyễn Văn S1 di chuyển chiều ngược lại và đang rẽ trái vào đường Tắc Thầy C, bị cáo S điều khiển xe trong tình trạng có sử dụng bia, khi rẽ trái sang đường lại thiếu chú ý quan sát, không đảm bảo an toàn cho người và phương tiện lưu thông trên đường khi chuyển hướng. Hậu quả vụ tại nạn giao thông đã làm ông Nguyễn Văn S1 bị đa chấn thương, suy hô hấp cấp và tử vong vào ngày 25/01/2023 sau khi cấp cứu tại bệnh viện.

[3] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo có đủ điều kiện điều khiển xe mô tô theo quy định, tuy nhiên khi điều khiển xe các bị cáo có sử dụng rượu, bia và trong máu, hơi thở đều có nồng độ cồn; điều khiển xe lại không chú ý quan sát, chuyển hướng không đảm bảo an toàn nên đã vi phạm quy định tại khoản 6 Điều 5 Luật phòng chống tác hại của rượu, bia; khoản 8, khoản 9 và khoản 23 Điều 8; khoản 2 Điều 15; khoản 3 Điều 24 Luật Giao thông đường bộ dẫn đến làm chết người, với lỗi vô ý. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm trật tự, an toàn giao thông đường bộ, xâm phạm đến tính mạng người khác, gây mất mát, đau thương cho gia đình bị hại và gây mất trật tự trị an tại địa phương.

Từ những phân tích nêu trên, hành vi phạm tội của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ"* theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Điều 260. Bộ luật hình sự, quy định:

"1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Làm chết người;..."

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

a) ……;

b) Trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định, có sử dụng chất ma túy hoặc chất kích thích mạnh khác;

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đã bồi thường xong về trách nhiệm dân sự; người đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt và không yêu cầu xử lý hình sự đối với các bị cáo; đối với bị cáo N có bác ruột Trương Văn L là Liệt sĩ; đối với bị cáo S có ông ngoại Lê Văn T đã có thời gian tham gia dân công hỏa tuyến, được hưởng chế độ của Nhà nước và cậu ruột của vợ bị cáo S, ông Mai Văn P là Liệt sĩ nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo khi quyết định hình phạt.

- Về tình tiết tăng nặng: Không.

[5] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với bị cáo N, bị cáo N có hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương, nguồn thu nhập chính của vợ chồng bị cáo N là làm thuê, khi tai nạn xảy ra bị cáo N phải vay mượn nhiều nơi để có tiền bồi thường cho gia đình bị hại, hoàn cảnh đã khó khăn nay càng khó khăn hơn, sau vụ tai nạn bản thân bị cáo N cũng đang bị thương chưa thể đi làm, mọi chi phí sinh hoạt đều do vợ của bị cáo N tự trang trải. Đối với bị cáo S, bị hại đã chết trong vụ án cũng chính là cha ruột của bị cáo S, ngoài sự ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội mà bị cáo S đã gây ra, bị cáo S còn phải chịu tổn thương về mặt tinh thần đó là sự mất đi người thân không thể bù bắp được.

Các bị cáo N và S đều có nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự, các bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51 và các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có nơi cư trú rõ ràng. Do đó, bị cáo N và bị cáo S đều đủ các điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xét thấy, các bị cáo có khả năng tự cải tạo, không cần phải bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội cũng đủ để răn đe, giáo dục các bị cáo, đồng thời tạo điều kiện cho các bị cáo tự cải tạo, học tập, lao động tạo ra thu nhập nuôi sống bản thân, chăm lo cho gia đình và trở thành công dân tốt có ích cho xã hội, thể hiện chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước ta.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại đã thỏa thuận bồi thường xong, tại phiên tòa không có yêu cầu gì thêm về phần trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng và các vấn đề khác: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã xử lý xong vật chứng, đối với Trương Văn N1 và Nguyễn Trọng N2 là những người ngồi phía sau mô tô biển số 66P2- 129.50 do bị cáo N chở nhưng

chỉ bị xay xát nhẹ, N1 và N2 không yêu cầu giám định thương tích và không yêu cầu gì khác trong vụ án.

Các vấn đề nêu trên đã được xử lý trong quá trình điều tra, truy tố nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Quan điểm luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh và hình phạt là có căn cứ và phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 260, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: Các bị cáo Trương Văn N và Nguyễn Thanh S, phạm tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*".

1. Xử phạt: Bị cáo Trương Văn N 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 15/9/2023).

Giao bị cáo Trương Văn N cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Đ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Trương Văn N có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Đ trong việc giám sát, giáo dục bị cáo Trương Văn N.

2. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thanh S 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 15/9/2023).

Giao bị cáo Nguyễn Thanh S cho Ủy ban nhân dân phường M, thành phố C, tỉnh Đ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Nguyễn Thanh S có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường M, thành phố C tỉnh Đ trong việc giám sát, giáo dục bị cáo Nguyễn Thanh S.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của bản án

trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của Điều 56 Bộ luật hình sự.

- Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Đã xử lý xong.

- Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Trương Văn N và Nguyễn Thanh S, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- VKSND TP. Cao Lãnh;
- Cơ quan điều tra CA TP. Cao Lãnh;
- Nhà tạm giữ CA TP. Cao Lãnh;
- Cơ quan THAHS CA TP. Cao Lãnh;
- Bị cáo, NTGTT khác;
- UBND Phường Mỹ Phú, TPCL;
- UBND xã Tân Nghĩa, HCL;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ong Thị Ngọc Tâm